

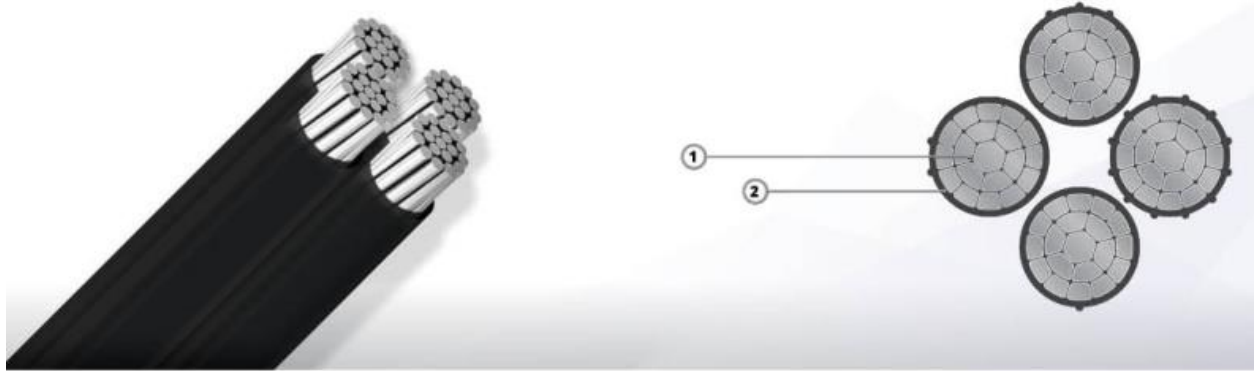
Cáp vặn xoắn LV-ACB, 2, 3, 4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE

Low voltage aerial bunched cable, 2, 3, 4 cores,
aluminium conductor, XLPE insulated

LV-ABC

0.6/1 kV

TCVN 6447, AS 3560



CẤU TRÚC: Al/XLPE

- ① Ruột dẫn: Sợi nhôm xoắn đồng tâm và nén chặt
- ② Cách điện: XLPE

CONSTRUCTION: Al/XLPE

- ① Conductor: Stranded compacted circular aluminium
- ② Insulation: XLPE

Tiết diện danh định Nominal cross section area	Đường kính ruột dẫn	Chiều dày cách điện danh định Nominal insulation thickness	Lực kéo đứt (1 lõi) Breaking load (per core)	Đường kính ngoài Overall diameter			Điện trở DC ở 20°C DC Resistance at 20°C	Trọng lượng Weight		
				2C	3C	4C		2C	3C	4C
mm	mm	mm	kN	mm	mm	mm	Ω/km	kg/km	kg/km	kg/km
16	4.75	1.30	2.20	15.20	16.40	18.40	1.910	138	207	276
25	5.85	1.30	3.50	17.40	18.80	21.10	1.200	199	299	398
35	6.90	1.30	4.90	19.50	21.10	23.60	0.868	259	389	519
50	8.15	1.50	7.00	22.80	24.60	27.60	0.641	364	546	728
70	9.75	1.50	9.80	26.00	28.10	31.50	0.443	479	718	958
95	11.45	1.70	13.30	30.20	32.70	36.60	0.320	655	983	1,311
120	12.85	1.70	16.80	33.00	35.70	40.00	0.253	790	1,186	1,581
150	14.30	1.70	21.00	35.90	38.80	43.50	0.206	979	1,468	1,958
185	15.95	2.00	25.90	40.50	43.70	49.00	0.164	1,223	1,835	2,446

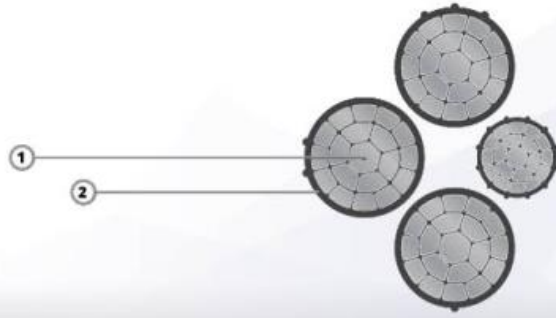
Cáp vặn xoắn LV-ACB, 4 lõi, trung tính giảm, ruột nhôm, cách điện XLPE

Low voltage aerial bunched cable, 4 cores with reduced neutral conductor, aluminium conductor, XLPE insulated

LV-ABC

0.6/1 kV

TCVN 6447, AS 3560



CẤU TRÚC: Al/XLPE

- ① Ruột dẫn: Sợi nhôm xoắn đồng tâm và nén chặt
- ② Cách điện: XLPE

CONSTRUCTION: Al/XLPE

- ① Conductor: Stranded compacted circular aluminium
- ② Insulation: XLPE

Tiết diện danh định Nominal cross section area		Đường kính ruột dẫn Conductor diameter		Chiều dày cách điện danh định Nominal insulation thickness		Lực kéo đứt (1 lõi) Breaking load (per core)		Đường kính ngoại Overall diameter	Điện trở DC ở 20°C DC resistance at 20°C		Trọng lượng Weight
Phase	Neutral	Phase	Neutral	Phase	Neutral	Phase	Neutral		Phase	Neutral	
No. X mm	mm	mm	mm	mm	mm	kN	kN	mm	Ω/km	Ω/km	kg/km
3×25	1×16	5.85	4.75	1.30	1.30	3.50	2.20	20.30	1.200	1.910	368
3×35	1×16	6.90	4.75	1.30	1.30	4.90	2.20	22.20	0.868	1.910	458
3×35	1×25	6.90	5.85	1.30	1.30	4.90	3.50	22.90	0.868	1.200	489
3×50	1×25	8.15	5.85	1.50	1.30	7.00	3.50	25.90	0.641	1.200	645
3×50	1×35	8.15	6.90	1.50	1.30	7.00	4.90	26.50	0.641	0.868	676
3×70	1×35	9.75	6.90	1.50	1.30	9.80	4.90	29.40	0.443	0.868	848
3×70	1×50	9.75	8.15	1.50	1.50	9.80	7.00	30.40	0.443	0.641	900
3×95	1×50	11.45	8.15	1.70	1.50	13.30	7.00	34.20	0.320	0.641	1,165
3×95	1×70	11.45	9.75	1.70	1.50	13.30	9.80	35.20	0.320	0.443	1,223
3×120	1×70	12.85	9.75	1.70	1.50	16.80	9.80	37.70	0.253	0.443	1,425
3×120	1×95	12.85	11.45	1.70	1.70	16.80	13.30	39.00	0.253	0.320	1,513
3×150	1×95	14.30	11.45	1.70	1.70	21.00	13.30	41.60	0.206	0.320	1,796
3×150	1×120	14.30	12.85	1.70	1.70	21.00	16.80	42.40	0.206	0.253	1,863
3×185	1×95	15.95	11.45	2.00	1.70	25.90	13.30	45.70	0.164	0.320	2,162
3×185	1×120	15.95	12.85	2.00	1.70	25.90	16.80	46.50	0.164	0.253	2,230
3×185	1×150	15.95	14.30	2.00	1.70	25.90	21.00	47.40	0.164	0.206	2,324